TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/6/2019
V/ v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*Ông Bùi Đức Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Tuyết Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2019 về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2019/QĐXX-ST ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị Cao Minh Th - sinh năm 1984 (có mặt)

HKTT: Xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Trú tại: Xóm Tam Thái, xã Hóa Thượng, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

+ *Bị đơn:* Anh Phạm Thanh T – sinh năm 1983 (vắng mặt)

HKTT: Xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hiện nay đang cư trú tại Đài Loan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Cao Minh Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng tại xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc. Đến tháng 12/2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Chị xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Đỉnh điểm là tháng 12/2009 thì hai bên xảy ra xô sát nên chị và con trai là cháu Phạm Hoàng D đã chuyển ra ngoài thuê trọ. Đến năm 2011 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến tháng 5 năm 2014 anh T có về Việt Nam rồi anh chị có về chung sống với nhau. Được một thời gian anh T lại tiếp tục sang Đài Loan để xuất khẩu lao động và từ đó anh chị rất ít khi liên lạc. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh T chị xác định anh T không cho chị biết và cả gia đình nhà chồng đều không biết nên chị không có địa chỉ cụ thể của anh T ở nước ngoài để cung cấp cho Tòa án. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Phạm Hoàng D, sinh ngày 12/7/2008. Hiện nay đang ở cùng chị tại xóm G, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Tại biên bản làm việc ngày 26/4/2019 và ngày 15/5/2019 giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với ông Phạm Xuân Tr và bà Hoàng Thị D là bố mẹ đẻ của anh T xác định: Sau khi nhận các văn bản của Toà án ông bà có thông tin cho anh T biết thì anh T có trao đổi lại, anh và chị Th có mâu thuẫn từ trước thời điểm anh đi xuất khẩu lao động, hiện anh không còn tình cảm với chị Th, chị Th xin ly hôn anh nhất trí. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên là Phạm Hoàng D, sinh ngày 12/7/2008, hiện đang ở cùng chị Th, anh đồng ý để chị Th nuôi con. Do chị Th không yêu cầu cấp dưỡng nên anh xác định anh sẽ tự có trách nhiệm đối với con. Về tài sản chung, nợ chung: không có, không đề nghị.

Hiện anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự. Tại Công văn số

445/CAT-PA01 ngày 21/01/2019 của Công an tỉnh Thái Nguyên xác định anh Phạm Thanh T đã xuất cảnh qua cửa khẩu Nội Bài ngày 24/8/2014, hiện nay chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định, đây là vụ án có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Cao Minh Th chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh T ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh T là ông Tr và bà D có đủ căn cứ xác định anh T vẫn liên hệ với ông bà nhưng ông bà không cung cấp được địa chỉ của bị đơn anh T và anh T cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Toà án. Toà án đã yêu cầu đến lần thứ hai nhưng ông Tr và bà D cũng vẫn không cung cấp địa chỉ của anh T ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Toà án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Cao Minh Th và anh Phạm Thanh T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị Th khai: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận với gia đình chồng tại xóm N, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do hai vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Tháng 12/2009 thì hai bên xảy ra xô sát nên chị và con trai là cháu Phạm Hoàng D đã chuyển ra ngoài thuê trọ. Đến năm 2011 anh T đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ đó đến nay anh chị ít khi liên lạc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Phía bị đơn anh T mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng thông qua đại diện thân nhân ở trong nước, anh cũng xác định anh và chị Th đã mâu thuẫn trầm trọng, anh không còn tình cảm với chị Th, về việc chị Th xin ly hôn anh nhất trí. Như vậy, có căn cứ cho thấy, giữa chị Th và anh T đã không còn tình cảm vợ chồng, không còn sự quan tâm, thương yêu nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng. Tại phiên tòa, chị Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn nên cho chị Th được ly hôn anh T là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam năm 2014.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Hoàng D, sinh ngày 12/7/2008 hiện đang ở với mẹ là chị Th. Chị Th có nguyện vọng được trực tiếp

nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Thông qua đại diện thân nhân là ông Tr và bà D ý kiến của anh T nhất trí để chị Th trực tiếp nuôi con, chị Th không yêu cầu cấp dưỡng. Mặt khác, cháu D (trên 7 tuổi) có nguyện vọng được ở với mẹ, do cháu ở với mẹ từ bé và hiện cháu đang ở cùng mẹ nên cần giao con chung là cháu Phạm Hoàng D cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị Th không yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Th xác định không có, phía anh T không có lời khai bằng văn bản nên Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

[3] Án phí: Chị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Th, cho chị Th được ly hôn với anh T; Con chung: Giao cháu Phạm Hoàng D, sinh ngày 12/7/2008 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T vì chị Th không yêu cầu; Tài sản chung và nợ chung không giải quyết. Chị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Cao Minh Th được ly hôn với anh Phạm Thanh T.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Hoàng D, sinh ngày 12/7/2008 cho chị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu D đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị Th không yêu cầu. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Cao Minh Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008666 ngày 02/01/2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị Th được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Đức Thuận